Số: 331/UBND-VP; 29/01/2026; 9:00:43 +07:00

**Biểu mẫu số 01/ĐGTĐ-BHM. Đánh giá tác động của thủ tục hành chính dự kiến ban hành mới trong dự thảo văn bản**

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ CÔNG THƯƠNG** | ***Biểu mẫu số 01/ĐGTĐ-BHM*** |

# BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DỰ KIẾN BAN HÀNH MỚI TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN

# Tên dự thảo văn bản: Nghị định Quy định chi tiết một số điều của Luật Thương mại điện tử

# THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Đăng ký nền tảng TMĐT kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến của tổ chức, cá nhân nước ngoài

|  |  |
| --- | --- |
| **I. SỰ CẦN THIẾT CỦA QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI DỰ THẢO VĂN BẢN** | |
| **1. Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh?** | a) Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc nội dụng cụ thể của các biện pháp để thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh trên phạm vi toàn quốc hoặc các biện pháp để thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh trên phạm vi toàn quốc hoặc các biện pháp để thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương hoặc các biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng,  an ninh ở địa phương hoặc các biện pháp khác có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế  - xã hội của địa phương hoặc các biện pháp để thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm  quyền theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10, điểm c khoản 2 Điều 14, điểm d khoản 1 Điều 21 Luật  Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số  87/2025/QH15):  - TTHC được thiết kế trên cơ sở tách bạch theo tiêu chí chủ thể nước ngoài và bản chất nền tảng kinh doanh trực tiếp, thay thế cách tiếp cận trước đây gắn với “website/ứng dụng cung cấp dịch vụ TMĐT”.  - Đáp ứng yêu cầu quản lý hoạt động TMĐT xuyên biên giới. |

|  |  |
| --- | --- |
|  | b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quy định: quản lý đối với nền tảng và thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam nhưng cung cấp dịch vụ cho người tiêu dùng trong nước. |
| **2. Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm?** | a) Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm:  - bảo vệ người tiêu dùng, quản lý thuế, giải quyết tranh chấp và thực thi pháp luật khi phát sinh vi phạm  - xác lập trách nhiệm pháp lý của nền tảng nước ngoài khi tham gia thị trường Việt Nam  - bảo đảm môi trường cạnh tranh công bằng giữa doanh nghiệp trong nước và nước ngoài.  b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quy định:  - Điều chỉnh hoạt động của nền tảng kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến của tổ chức, cá nhân nước ngoài nhưng cung cấp dịch vụ vào thị trường Việt Nam  - Chủ thể nước ngoài có trách nhiệm kê khai thông tin pháp lý và thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật Việt Nam. |
| **3. Lý do lựa chọn biện pháp quy định thủ tục hành chính?** | a) Lý do quy định thủ tục hành chính: Hoạt động kinh doanh TMĐT xuyên biên giới gia tăng nhanh, tiềm ẩn rủi ro về thuế, bảo vệ người tiêu dùng, cạnh tranh không lành mạnh và xử lý vi phạm. Thủ tục đăng ký giúp xác lập trách nhiệm pháp lý của chủ thể nước ngoài, tạo cơ chế phối hợp quản lý giữa các cơ quan chức năng.  b) Nêu rõ điều, khoản quy định thủ tục hành chính tại dự thảo văn bản: Điều 32 dự thảo Nghị định |
| **4. Có biện pháp nào khác có thể sử dụng mà không phải bằng quy định thủ tục hành chính không?** | Có Không X  Nếu Có, nêu rõ biện pháp:…………………………………………………………………………………… Trường hợp Có, nhưng vẫn lựa chọn biện pháp quy định thủ tục hành chính thì nêu rõ lý do:……………...  ………………………………………………………………………………………………………………... Nếu Không, nêu rõ lý do: cần có thủ tục để thực hiện quản lý thống nhất. |
| **II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP HIẾN, HỢP PHÁP CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH** | |
| 1. Có phù hợp với Hiến pháp không? | Có X Không  Nêu rõ lý do: thủ tục được ban hành tại Nghị định, do vậy thuộc thẩm quyền của Chính phủ, tuân thủ đúng quy định tại khoản 4 Điều 114 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. |
| 2. Có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác, điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên không? | - Với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên: Có Không X  - Với văn bản của cơ quan khác: Có Không X  - Với điều ước quốc tế có liên quan mà nước CHXHCN Việt Nam là thành viên: Có Không X |
| **III. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH** | |
| **1. Tên thủ tục hành chính** | |
| Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | Có X Không  Nêu rõ lý do: Tên thủ tục đã được quy định rõ ràng, cụ thể chủ thể và hành động của chủ thể thực hiện thủ tục hành chính. |
| **2. Trình tự thực hiện** | |
| a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không? | Có X Không  Nêu rõ lý do:  - Dự thảo quy định chi tiết trình tự thực hiện của tổ chức, cá nhân và cơ quan có thẩm quyền trong việc xác nhận đăng ký nền tảng TMĐT kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến của tổ chức, cá nhân nước ngoài.  - Các bước thực hiện được quy định hợp lý để tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện. |
| b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? | Có X Không  Nêu rõ lý do: Dự thảo quy định chi tiết trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện việc xác nhận đăng ký nền tảng TMĐT kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến của tổ chức, cá nhân nước ngoài |
| c) Có áp dụng cơ chế liên thông không? | Có Không X  Nêu rõ lý do:  - Thủ tục do một cơ quan thực hiện.  - Áp dụng giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử để tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân thực hiện, giảm chi phí thủ tục hành chính. |
| d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không? | Có Không X  Nếu Có, nêu rõ nội dung quy định:…………………………………………………………………………..  Lý do quy định:……………………………………………………………………………………………….  - Các biện pháp có thể thay thế: Có Không X  Nếu Có, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự thảo: ………………………………………..……………….. |
| **3. Cách thức thực hiện** |  |
| 1. Nộp hồ sơ:   Trực tiếp Bưu chính Điện tử X  b) Nhận kết quả: Trực tiếp  Bưu chính  Điện tử X | - Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có X Không  Nêu rõ lý do: thực hiện trực tuyến qua Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử tại địa chỉ [www.online.gov.vn](http://www.online.gov.vn) đã kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia.  - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có X Không  Nêu rõ lý do: các cá nhân, tổ chức nộp và nhận kết quả hồ sơ trực tuyến để thực hiện thủ tục hành chính sẽ tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện. |
| **4. Thành phần, số lượng hồ sơ** | |
| a) Tên thành phần hồ sơ 1: Tờ khai trực tuyến thông tin đăng ký nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp | * Nêu rõ lý do quy định: Để các tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai báo thông tin về chủ thể và nội dung nền tảng làm căn cứ cho cơ quan có thẩm quyền xem xét, cho ý kiến * Yêu cầu về hình thức: Theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Dự thảo Nghị định. * Lý do quy định: Thống nhất áp dụng. |
| b) Tên thành phần hồ sơ 2: Bản chụp giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ, văn bản xác nhận, chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền hoặc các văn bản tương tự khác khi kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật về đầu tư; | * Nêu rõ lý do quy định: để làm căn cứ cho cơ quan có thẩm quyền xem xét, cho ý kiến * Yêu cầu về hình thức: bản chụp * Lý do quy định: Tổ chức, cá nhân chứng minh quyền được kinh doanh hang hóa, dịch vụ thuộc Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật về đầu tư. |
| 1. Tên thành phần hồ sơ 3: Tài liệu chỉ định pháp nhân tại Việt Nam theo uỷ quyền của chủ quản nền tảng thương mại điện tử nước ngoài; | * Nêu rõ lý do quy định: khoản 2 Điều 27 Luật Thương mại điện tử quy định Chủ quản nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp nước ngoài có chức năng đặt hàng trực tuyến quy định tại khoản 1 Điều này phải chỉ định một pháp nhân tại Việt Nam theo ủy quyền trước khi nền tảng có lựa chọn ngôn ngữ hiển thị là tiếng Việt hoặc sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam ".vn" hoặc sau khi đạt ngưỡng giao dịch với người mua tại Việt Nam, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. * Yêu cầu về hình thức: Bản chụp.   Lý do quy định: để đáp ứng yêu cầu điều kiện kinh doanh. |
| c) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không? | Có X Không  Nêu rõ:  - Thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính này được quy định rõ ràng, cụ thể, chứng minh được việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính. |
| d) Số lượng bộ hồ sơ:  01 bộ | Lý do *(nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên):* ………………………………………………………………...  ………………………………………………………………………………………………………………... |
| **5. Thời hạn giải quyết** | |
| a) Có được quy định rõ | - Có X Không |

|  |  |
| --- | --- |
| ràng, cụ thể và phù hợp không? | - Nêu rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: 05 ngày làm việc  Lý do quy định: đảm bảo thời gian để cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết thủ tục hành chính này. |
| b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan? | Có Không  Lý do quy định: ………………………...……………………………………………………………………. |
| **6. Đối tượng thực hiện** |  |
| a) Đối tượng thực hiện: | * Tổ chức: Trong nước Nước ngoài X   Mô tả rõ: Chủ quản nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp nước ngoài có chức năng đặt hàng trực tuyến có cơ chế cho phép lựa chọn ngôn ngữ tiếng Việt trên nền tảng hoặc nền tảng có sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” hoặc nền tảng đạt ngưỡng giao dịch từ 100.000 lượt giao dịch từ Việt Nam trở lên trong một năm với người mua tại Việt Nam  Lý do quy định: để quản lý đúng đối tượng quy định.   * Cá nhân: Trong nước Nước ngoài X   Mô tả rõ: Chủ quản nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp nước ngoài có chức năng đặt hàng trực tuyến có cơ chế cho phép lựa chọn ngôn ngữ tiếng Việt trên nền tảng hoặc nền tảng có sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” hoặc nền tảng đạt ngưỡng giao dịch từ 100.000 lượt giao dịch từ Việt Nam trở lên trong một năm với người mua tại Việt Nam  Lý do quy định: để quản lý đúng đối tượng quy định.   * Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?:   Có Không X  Nêu rõ lý do: dự thảo đã quy định đầy đủ các đối tượng thực hiện. |
| b) Phạm vi áp dụng: | * Toàn quốc Vùng Địa phương * Nông thôn Đô thị Miền núi * Biên giới, hải đảo * Lý do quy định:……………………………………………………………………………………………..   - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?:  Có Không   * Nêu rõ lý do: ………………………………………………………………………………………………… |
| Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: 70 nền tảng | |
| **7. Cơ quan giải quyết** | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không? | Có X Không  Lý do quy định: Điều 32 Luật Thương mại điện tử quy định đăng ký trực tuyến với Bộ Công Thương |
| b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không? | Có Không X  Nêu rõ lý do: Giao Bộ Công Thương tiếp nhận, giải quyết là phù hợp với tính chất xuyên biên giới và yêu cầu thống nhất quản lý ở cấp trung ương. Quy định bảo đảm phù hợp với Luật TMĐT năm 2025 và pháp luật về giao dịch điện tử, quản lý thuế, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. |
| **8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có)** | |
| a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không? | * Lệ phí: Không X Có   Nếu Có, nêu rõ lý do: ……………………………..…………………………………………………………   * Phí: Không X Có   Nếu Có, nêu rõ lý do: ……………………………..………………………………………………………….   * Chi phí khác: Không X Có   Nếu Có, nêu rõ lý do: ……………………………..………………………………………………………….   * Nêu rõ mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (*nếu được quy định tại dự thảo*):   + Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí): …………………………..……………………………………………  + Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí): …………………………………………………………………..  + Mức chi phí khác:…………………………………………………………………………………………..  + Mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có phù hợp không: Có Không  Lý do: ……………………………………………………..………………………………………………….  - Nếu mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu có) chưa được quy định tại dự thảo thì nêu rõ lý do: |
| b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không? | Có Không X  Nội dung quy định: ………………………..…………………………………………………………………  Lý do quy định:………………………………………………………………………………………………. |
| **9. Mẫu đơn, tờ khai** | |
| a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không? | Có X Không  Lý do: đảm bảo thống nhất các thông tin yêu cầu phải kê khai, thuận lợi trong quá trình thực hiện và giải quyết thủ tục hành chính. |
| b) Tên mẫu đơn, tờ khai: Tờ khai trực tuyến thông tin đăng ký nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp | * Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai:   + Nội dung thông tin 1: Thông tin chủ quản nền tảng thương mại điện tử  Lý do quy định: Để cơ quan có thẩm quyền biết và liên hệ khi cần.  + Nội dung thông tin 2: Thông tin đại diện hoặc pháp nhân được chỉ định theo uỷ quyền tại Việt Nam  Lý do quy định: Để cơ quan có thẩm quyền biết và liên hệ khi cần.  + Nội dung thông tin 3: Thông tin nền tảng  Lý do quy định: Thông tin chung về nền tảng để cơ quan có thẩm quyền xem xét.   * Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có Không X   Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: ……....…….…………………  ……………………………………………………………………………………………..…………………. Lý do quy định: …………………………………………………………………………..…………………. |
| c) Ngôn ngữ | - Tiếng Việt X Song ngữ Nêu rõ loại song ngữ:……………………………………… Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ): …………………………………………………….  ………………………………………………………………………………………………………………...  ………………………………………………………………………………………………………………... |
| **10. Yêu cầu, điều kiện** |  |
| Có quy định yêu cầu, điều kiện không? | Có X Không  Lý do quy định: khoản 2 Điều 27 Luật Thương mại điện tử quy định Chủ quản nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp nước ngoài có chức năng đặt hàng trực tuyến quy định tại khoản 1 Điều này phải chỉ định một pháp nhân tại Việt Nam theo ủy quyền |
| a) Yêu cầu, điều kiện 1:  Chỉ định một pháp nhân tại Việt Nam theo ủy quyền | * Lý do quy định: đáp ứng yêu cầu quản lý hoạt động TMĐT xuyên biên giới. * Để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần:   + Có kết quả từ một thủ tục hành chính khác: Có Không X  Nếu Có, đề nghị nêu rõ:……………………………………………………………………………………...  + Đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước: Có Không  + Thực hiện công việc khác (nêu rõ):……………………………………………………………………….. |
| **11. Kết quả thực hiện** | |
| a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì? | * Giấy phép * Giấy chứng nhận * Giấy đăng ký * Chứng chỉ * Thẻ * Quyết định hành chính * Văn bản xác nhận/chấp thuận * Loại khác: X Đề nghị nêu rõ: Xác nhận đăng ký của Bộ Công Thương   Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy Bản điện tử X |
| b) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không? | Có X Không  Lý do: để thống nhất trong công tác quản lý |
| c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)? | Có Không X   * Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể tháng/ năm. * Nếu Không, nêu rõ lý do:……………………………………………………….………………………...   ………………………………………………………………………………………………………………... |
| d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)? | Toàn quốc Địa phương  Lý do:…………………………………………………………………………………………………………  ………………………………………………………………………………………………………………... |
| **IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ** | |

Họ và tên người điền: ……………………………………………………………………………………………………………….……... Điện thoại cố định: ……………….……; Di động: ……..……….……; E-mail: ….…………………………………………..……….…

**HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI**

**BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DỰ KIẾN BAN HÀNH MỚI TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN**

**(BIỂU MẪU SỐ 01/ĐGTĐ-BHM)**

Cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện đánh giá sự cần thiết, tính hợp pháp, tính hợp lý của từng bộ phận tạo thành của thủ tục hành chính dự kiến ban hành mới trong dự thảo văn bản thông qua việc trả lời ngắn gọn, rõ ràng và đầy đủ các câu hỏi tại Mục I, II, III của Biểu mẫu số 01/ĐGTĐ-BHM, cụ thể như sau:

# SỰ CẦN THIẾT CỦA QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

## Câu 1. Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nƣớc cần quản lý hoặc nội dung cụ thể của các biện pháp để thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh trên phạm vi toàn quốc hoặc các biện pháp phát triển kinh tế

**- xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh trên phạm vi toàn quốc hoặc các biện pháp để thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phƣơng hoặc các biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phƣơng hoặc các biện pháp khác có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phƣơng hoặc các biện pháp để thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10, điểm c khoản 2 Điều 14, điểm d khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (đƣợc sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15)?**

Cơ quan chủ trì soạn thảo cần trình bày rõ nội dung vấn đề cụ thể trong ngành, lĩnh vực hoặc các biện pháp phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh trên phạm vi toàn quốc hoặc tại địa phương cụ thể và lý do Nhà nước cần đặt ra để quản lý hoặc các biện pháp để thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh trên phạm vi toàn quốc hoặc các biện pháp phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh trên phạm vi toàn quốc hoặc các biện pháp để thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương hoặc các biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương hoặc các biện pháp khác có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hoặc các biện pháp để thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10, điểm c khoản 2 Điều 14, điểm d khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15).

## Câu 2. Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần đƣợc bảo đảm?

Cơ quan chủ trì soạn thảo cần trình bày rõ nội dung cụ thể về quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm và nêu rõ lý do Nhà nước cần quy định.

## Câu 3. Lý do lựa chọn biện pháp quy định thủ tục hành chính?

Cơ quan chủ trì soạn thảo cần trình bày rõ lý do lựa chọn đối với từng thủ tục hành chính cụ thể trong số các biện pháp có thể sử dụng để thực hiện yêu cầu quản lý nhà nước hoặc thực hiện các biện pháp phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh và bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức.

Mục tiêu của việc quy định thủ tục hành chính là để đáp ứng các mục tiêu quản lý nhà nước cụ thể gì hoặc các biện pháp gì để phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh? Quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được đáp ứng là gì? Và dự kiến tác động của quy định thủ tục hành chính như thế nào đối với đời sống xã hội hoặc đáp ứng phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh. Theo đó, việc quy định thủ tục hành chính là biện pháp tối ưu trong các biện pháp có thể được thực hiện để bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước hoặc thực hiện các biện pháp phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh và bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

Lưu ý, nếu câu trả lời chỉ chung chung là thủ tục hành chính được đặt ra nhằm đạt được mục tiêu là thực hiện quản lý nhà nước hoặc để nâng cao hiệu quả của hoạt động quản lý nhà nước hoặc để phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh hay đáp ứng quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức là chưa đáp ứng được yêu cầu trong đánh giá sự cần thiết của thủ tục hành chính.

Nếu không thể xác định được mục tiêu cần đạt được khi quy định thủ tục hành chính thì thủ tục hành chính sẽ không cần thiết. Nếu cơ quan chủ trì soạn thảo không xác định được sự cần thiết của thủ tục hành chính thì dừng việc trả lời Biểu mẫu số 01/ĐGTĐ-BHM. Nếu cơ quan chủ trì soạn thảo trả lời được lý do lựa chọn biện pháp quy định thủ tục hành chính thì tiếp tục trả lời câu hỏi 4 và sử dụng Biểu mẫu số 01/ĐGTĐ-BHM (Mục II, III) để đánh giá tính hợp hiến, hợp pháp, tính hợp lý của từng bộ phận thủ tục hành chính được quy định tại dự thảo.

## Câu 4. Có biện pháp nào khác có thể sử dụng mà không phải bằng quy định thủ tục hành chính không?

Cơ quan chủ trì soạn thảo cần xác định có biện pháp nào khác có thể sử dụng mà không phải bằng quy định thủ tục hành chính không? Nếu trả lời là Có thì đề nghị nêu rõ các biện pháp có thể sử dụng (ví dụ: thỏa thuận, cam kết dân sự, kiểm tra của cơ quan quản lý hành chính nhà nước,…). Trường hợp Có, nhưng vẫn lựa chọn biện pháp quy định thủ tục hành chính thì nêu rõ lý do quy định. Nếu trả lời là Không thì cũng nêu rõ lý do.

# ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP HIẾN, HỢP PHÁP CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Cơ quan chủ trì soạn thảo cần xác định và làm rõ nội dung quy định thủ tục hành chính được ban hành phù hợp với Hiến pháp, không mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản của cơ quan cấp trên, văn bản của cơ quan khác hay điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Nếu quy định của thủ tục hành chính được xác định là được ban hành theo đúng thẩm quyền nhưng một hoặc các bộ phận của thủ tục hành chính không phù hợp với Hiến pháp, mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các của cơ quan cấp

trên, văn bản của cơ quan khác hay điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên thì đề nghị chỉnh sửa, hoàn thiện quy định của thủ tục hành chính để bảo đảm tính hợp hiến, thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; trường hợp vẫn giữ quy định thủ tục hành chính trong dự thảo thì đề nghị nêu rõ lý do và đề xuất cách thức giải quyết.

# ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

## Câu 1. Tên thủ tục hành chính

Để làm rõ nội dung này, cơ quan chủ trì soạn thảo cần xác định rõ ràng, cụ thể tên của thủ tục hành chính được lựa chọn. Tên của thủ tục hành chính gồm: Từ hoặc cụm từ chỉ hành động của cơ quan nhà nước hoặc cá nhân, tổ chức, kết hợp với:

* Tên kết quả của thủ tục hành chính và kết hợp đối với từng đối tượng, lĩnh vực cụ thể (nếu có);

*Ví dụ: “Cấp chứng chỉ hành nghề luật sư”; “Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm”.*

* Cụm từ chỉ sự vật, sự việc mà cơ quan nhà nước muốn quản lý hoặc cá nhân, tổ chức mong muốn đạt được. *Ví dụ: “Đăng ký tạm trú”;“Đề nghị thanh toán chi phí hỗ trợ tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa”.* **Câu 2. Trình tự thực hiện**

Để làm rõ nội dung này, cơ quan chủ trì soạn thảo cần:

* Xác định thủ tục hành chính được quy định rõ ràng, cụ thể về các bước thực hiện; trong đó phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính; có áp dụng cơ chế liên thông hoặc có tăng cường giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử không? Các bước thực hiện có được quy định hợp lý để tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?
* Trong trường hợp thủ tục hành chính có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước, cần nêu rõ lý do, căn cứ quy định và các biện pháp có thể thay thế.

Các biện pháp có thể thay thế việc kiểm tra, đánh giá thực tế của cơ quan nhà nước trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính như: đánh giá, chứng nhận của tổ chức độc lập; chuyển từ kiểm tra trước sang kiểm tra sau;… Lý do không lựa chọn các biện pháp có thể thay thế.

## Câu 3. Cách thức thực hiện

Để làm rõ nội dung này, cơ quan chủ trì soạn thảo cần:

* Xác định thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể về các cách thức để cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ và nhận kết quả như: trực tiếp tại cơ quan giải quyết thủ tục hành chính hoặc qua bưu chính hoặc qua trực tuyến trên môi trường điện tử.
* Chứng minh cách thức thực hiện thủ tục hành chính được quy định là phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí tối đa cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính.

## Câu 4. Thành phần, số lƣợng hồ sơ

Để làm rõ nội dung này, cơ quan chủ trì soạn thảo cần:

* Nêu tên của từng thành phần hồ sơ.
* Nêu rõ sự cần thiết, mục đích của việc quy định đối với từng thành phần hồ sơ nhằm cung cấp thông tin cần thiết để xác định, chứng minh vấn đề gì để phục vụ cơ quan nhà nước trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính.

*Ví dụ: để xác định yêu cầu, đề nghị, tư cách pháp nhân của cá nhân, tổ chức; để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện; để đáp ứng mục tiêu xem xét của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền;…*

Đồng thời, thành phần hồ sơ không trùng với thành phần hồ sơ của một thủ tục hành chính khác có kết quả là thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính dự kiến quy định hoặc thành phần hồ sơ là kết quả do chính cơ quan giải quyết thủ tục hành chính đang quản lý; không yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp các thành phần hồ sơ đã có trong Cổng Dịch vụ công Quốc gia, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành do cơ quan nhà nước quản lý được chia sẻ, khai thác theo quy định của pháp luật.

* Xác định rõ các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không? Nêu rõ quy định.
* Xác định rõ ràng, cụ thể về hình thức đối với từng thành phần hồ sơ (*bản chính, sao chụp, chứng thực, công chứng, bản điện tử, bản sao điện tử, xác nhận, xuất trình, đối chiếu*); các giấy tờ, tài liệu kèm theo là gì? *(giấy giới thiệu, giấy ủy quyền, đĩa VCD, DVD, mô hình,…;)*; hình thức của thành phần hồ sơ phải đa dạng, dễ thực hiện.
* Xác định rõ số lượng từng thành phần hồ sơ, số lượng bộ hồ sơ *(giải thích rõ lý do nếu quy định số lượng lớn hơn một (01) bộ.*
* Đối với thủ tục hành chính được thực hiện trên môi trường điện tử thì việc quy định hồ sơ điện tử phải phù hợp với quy định pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.
* Đối với thực hiện thủ tục theo cơ chế một cửa quốc gia, một cửa ASEAN và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu thì việc quy định hồ sơ phải phù hợp với quy định pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, một cửa ASEAN và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu.

## Câu 5. Thời hạn giải quyết

Để làm rõ nội dung này, cơ quan chủ trì soạn thảo cần:

* Thời hạn giải quyết thủ tục hành chính được quy định rõ ràng, cụ thể, trong đó quy định rõ thời gian thực hiện các bước từ khi tiếp nhận hồ sơ đến khi trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính.
* Quy định thời hạn giải quyết thủ tục hành chính là ngày làm việc (đơn vị chỉ thời gian làm việc của cơ quan hành chính nhà nước, không kể ngày nghỉ, lễ, tết theo quy định). Trường hợp thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 30 ngày làm việc trở lên thì quy định là ngày hoặc tháng.
* Việc xác định thời hạn giải quyết thủ tục hành chính phải bảo đảm tiết kiệm thời gian cho cá nhân, tổ chức và phù hợp với khả năng của cơ quan giải quyết thủ tục hành chính.
* Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc phối hợp giải quyết thì quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và cách thức, thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan.

*Ví dụ: thời hạn kiểm tra hồ sơ; thời hạn thẩm định hồ sơ; thời hạn kiểm tra, xác minh; thời hạn phối hợp; thời hạn phê duyệt; v.v...*

## Câu 6. Đối tƣợng thực hiện

Để làm rõ nội dung này, cơ quan chủ trì soạn thảo cần:

* Xác định rõ ràng, cụ thể và nêu rõ lý do việc quy định về từng đối tượng *(cá nhân, tổ chức, trong nước, nước ngoài)*, phạm vi áp dụng *(toàn quốc, vùng, địa phương, ngành; hay mang tính đặc thù: nông thôn, đô thị, miền núi, biên giới, hải đảo)*. Qua đó đánh giá về mức độ phân biệt giữa các cá nhân với nhau, giữa cá nhân với tổ chức; giữa các vùng miền, lĩnh vực; giữa trong nước và ngoài nước.
* Xác định và nêu rõ lý do về khả năng mở rộng hoặc thu hẹp đối tượng, phạm vi áp dụng.
* Dự báo, dự kiến về số lượng đối tượng tuân thủ hàng năm.

## Câu 7. Cơ quan giải quyết

Để làm rõ nội dung này, cơ quan chủ trì soạn thảo cần:

* Xác định rõ ràng, cụ thể và nêu rõ lý do việc quy định về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính, bao gồm: cơ quan có thẩm quyền quyết định; cơ quan trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính và cơ quan phối hợp (nếu có).
* Áp dụng tối đa các giải pháp phân cấp hoặc ủy quyền cho cơ quan hành chính cấp dưới hoặc địa phương giải quyết thủ tục hành chính nhằm tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong việc liên hệ với cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính. Đồng thời, nêu

rõ lý do tại sao không thể áp dụng các giải pháp phân cấp hoặc ủy quyền cho cơ quan hành chính cấp dưới hoặc địa phương giải quyết thủ tục hành chính.

*Ví dụ: không có căn cứ pháp lý; có căn cứ pháp lý nhưng chưa thể ủy quyền hoặc phân cấp;…*

## Câu 8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có)

Để làm rõ nội dung này, cơ quan chủ trì soạn thảo cần:

* Xác định thủ tục hành chính có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không? Xác định về mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) cụ thể là gì? Nêu rõ lý do quy định. Trường hợp có các mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) áp dụng đối với từng trường hợp khi thực hiện thủ tục hành chính và được lập thành biểu, phụ lục riêng, cơ quan chủ trì soạn thảo đính kèm biểu, phụ lục này theo Biểu mẫu số 01/ĐGTĐ-BHM. Theo đó, việc quy định phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) phải bảo đảm cơ bản bù đắp chi phí và mang tính phục vụ khi cơ quan nhà nước thực hiện giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức; bảo đảm cắt giảm tối đa chi phí không cần thiết cho cá nhân, tổ chức; có tính đến đặc điểm từng vùng miền, từng đối tượng thực hiện, từng lĩnh vực và thông lệ quốc tế.
* Xác định rõ ràng, cụ thể về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có), nhằm đảm bảo thuận tiện cho cá nhân, tổ chức thực hiện thủ tục hành chính và cơ quan giải quyết thủ tục hành chính trong việc thu các loại phí, lệ phí theo quy định.
* Nếu mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) chưa được quy định tại dự thảo thì nêu rõ lý do.

## Câu 9. Mẫu đơn, tờ khai

Để làm rõ nội dung này, cơ quan chủ trì soạn thảo cần:

* Xác định việc mẫu hóa, điện tử hóa đơn, tờ khai có tác dụng hỗ trợ cá nhân, tổ chức tuân thủ thủ tục hành chính trong việc ghi đầy đủ các thông tin cần thiết cho việc giải quyết thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian làm thủ tục và bảo đảm việc thống nhất hồ sơ thủ tục hành chính. Tuy nhiên, việc mẫu hóa nội dung đơn, tờ khai phải bảo đảm tính hợp lý, tránh lạm dụng việc mẫu hóa để tạo ra độc quyền của cơ quan giải quyết thủ tục hành chính.
* Chứng minh cụ thể về tính hợp lý của từng nội dung thông tin quy định trong mẫu đơn, tờ khai. Nếu không chứng minh được lý do tại sao cần quy định các nội dung thông tin như dự thảo mẫu đơn, tờ khai thì cơ quan chủ trì soạn thảo cần loại bỏ các nội dung thông tin không thể giải trình ra khỏi mẫu đơn, tờ khai.
* Xác định ngôn ngữ của mẫu đơn, tờ khai có tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức không?.
* Trường hợp đơn, tờ khai có yêu cầu xác nhận của cơ quan, tổ chức, cá nhân thì phải nêu rõ nội dung xác nhận, cơ quan/ người có thẩm quyền xác nhận; sự cần thiết, tính hợp lý của việc xác nhận và nội dung xác nhận.
* Mẫu đơn, tờ khai không được yêu cầu thêm điều kiện, hồ sơ giấy tờ mà không có trong quy định ở các điều, khoản của văn bản quy phạm pháp luật chứa mẫu đơn, tờ khai đó.

## Câu 10. Yêu cầu, điều kiện

Để làm rõ nội dung này, cơ quan chủ trì soạn thảo cần xác định rõ ràng, cụ thể và nêu rõ lý do của việc quy định đối với từng yêu cầu, điều kiện. Cụ thể:

* Nêu rõ ràng, cụ thể tên từng yêu cầu, điều kiện;
* Lý do quy định đối với từng yêu cầu, điều kiện. Yêu cầu, điều kiện được coi là cần thiết khi đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, phù hợp với khả năng đáp ứng của cá nhân, tổ chức; bảo đảm sự công bằng giữa các cá nhân, giữa các tổ chức, giữa cá nhân với tổ chức, giữa các ngành, lĩnh vực, giữa các vùng miền, giữa trong nước với ngoài nước *(Ví dụ: để chứng minh khả năng, năng lực chuyên môn hoặc thuộc đối tượng điều chỉnh, phạm vi áp dụng; cung cấp thêm thông tin cho cơ quan nhà nước;…)*.
* Xác định rõ để đáp ứng yêu cầu, điều kiện này, cá nhân, tổ chức cần có kết quả từ một thủ tục hành chính khác, đáp ứng được sự kiểm tra, xác minh, đánh giá của cơ quan nhà nước hoặc thực hiện công việc khác không?
* Không quy định yêu cầu, điều kiện trùng với yêu cầu, điều kiện của một thủ tục hành chính khác có kết quả là thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính dự kiến quy định.
* Trong yêu cầu, điều kiện không được quy định các nội dung phát sinh thêm các hồ sơ, giấy tờ cá nhân, tổ chức phải nộp ngoài những thành phần hồ sơ đã được quy định.

## Câu 11. Kết quả thực hiện

Để làm rõ nội dung này, cơ quan chủ trì soạn thảo cần xác định hình thức (bản giấy hoặc bản điện tử) của kết quả giải quyết (như giấy phép, giấy chứng nhận, giấy đăng ký, chứng chỉ...), kết quả thực hiện thủ tục hành chính có được mẫu hóa hay không? Thời hạn, phạm vi có hiệu lực của kết quả giải quyết (nếu có) và nêu rõ lý do của việc quy định, nhằm bảo đảm phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước, với quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân và tình hình thực tiễn.

# THÔNG TIN LIÊN HỆ

Cơ quan chủ trì soạn thảo ghi rõ thông tin của người trực tiếp điền Biểu mẫu đánh giá tác động, giúp cơ quan thẩm định có thể trao đổi trong quá trình đánh giá./.